TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 445/2024/DS-PT
Ngày 11-11-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tấn Quốc

*Các Thẩm phán*Bà Phùng Thị Cẩm Hồng

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Khổng Văn Đa – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 365/2024/TLPT-DS ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 195/2024/DS-ST ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Đức Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 402/2024/QĐ-PT ngày 11 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Thi Thị A, sinh năm 1944. Địa chỉ cư trú: Ấp D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Tấn T, sinh năm 1974. Địa chỉ cư trú: Ấp D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Văn Ư, sinh năm 1967. Địa chỉ cư trú: Số G, đường T, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Hồ Thị T1, sinh năm 1966. Địa chỉ cư trú: Số G, đường T, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bà Trương Thị N, sinh năm 1977. Địa chỉ cư trú: Ấp D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

4. Văn phòng C (tên cũ là Văn phòng C1). Địa chỉ trụ sở: Đường T, ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn G.

- *Người kháng cáo*: Ông Nguyễn Tấn T là bị đơn và ông Nguyễn Văn Ư là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/10/2022 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Thi Thị A do ông Phạm Quốc S là người đại diện theo ủy quyền trình bày như sau:

Bà T là chủ sử dụng hợp pháp thửa đất số 709, tờ bản đồ số 17, đất tại ấp D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. Do hoàn cảnh khó khăn nên bà chuyển nhượng một phần đất ngang khoảng 08 mét, dài hết đất (thực tế khoảng 300m^2) thuộc thửa đất số 709, tờ bản đồ số 17, đất tại ấp D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An cho ông Nguyễn Tấn T, diện tích còn lại khoảng 300m^2 (theo giấy nhận cọc ngày 15/11/2014) thì bà T vẫn quản lý, sử dụng.

Ngày 03/3/2015, ông T yêu cầu bà chuyển nhượng toàn bộ thửa đất số 709, tờ bản đồ số 17, diện tích 612m^2 cho ông T đứng tên quyền sử dụng đất, do thửa 709 là đất lúa nên không thể tách thửa được nên bà không đồng ý. Sau đó, ông T hứa với bà sau khi chuyển nhượng toàn bộ diện tích thửa 709 sang tên ông, ông sẽ chuyển mục đích sử dụng đất và chuyển nhượng phần đất còn lại cho bà phần đất còn lại theo giấy nhận cọc ngày 15/12/2014.

Tin lời ông T nên cùng ngày 03/3/2015, bà đã chuyển nhượng toàn bộ thửa đất số 709, tờ bản đồ số 17, đất tại ấp D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An cho ông Nguyễn Tấn T tại Văn phòng C1, huyện Đ, tỉnh Long An. Sau khi chuyển nhượng cho ông T thì ông T đã đứng tên toàn bộ quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, bà vẫn quản lý phần đất còn lại thuộc quyền sở hữu của bà.

Từ tháng 5/2015 cho đến nay, bà đã nhiều lần liên hệ ông T yêu cầu ông chuyển nhượng lại cho bà nhưng ông T vẫn cố tình né tránh.

Qua tìm hiểu, bà biết ông T đã chuyển nhượng toàn bộ thửa đất trên cho anh ruột của ông T là ông Nguyễn Văn Ư.

Nay bà A yêu cầu Tòa án giải quyết:

Tuyên vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ký giữa bà Thi Thị A với ông Nguyễn Tấn T, số công chứng 2070, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/03/2015 tại Văn phòng C1.

Ngày 01/7/2024, bà A có khởi kiện bổ sung, theo đó bà A yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ký giữa ông Nguyễn Tấn

T, bà Trương Thị N với ông Nguyễn Văn Ư ngày 10/12/2021 tại Văn phòng C.

Bị đơn ông Nguyễn Tấn T trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm như sau:

Ông xác nhận lời trình bày của bà T về việc chuyển nhượng ngang 08 mét, dài hết đất thuộc thửa đất số 709, tờ bản đồ số 17, đất tại ấp D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An cho ông là đúng. Ông nhận chuyển nhượng thửa đất trên dùm cho ông Ư. Khi chuyển nhượng, ông giao đủ số tiền cho bà A và bà A đã bàn giao đất cho ông. Ông cũng đã san lấp đất. Ông được đứng tên toàn bộ thửa đất nêu trên. Sau đó, ông đã ký hợp đồng chuyển nhượng thửa đất nêu trên để trả lại cho ông Ư. Hiện nay, ông Ư đang đứng tên quyền sử dụng đối với thửa đất nêu trên.

Ông hoàn toàn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà A. Ngoài ra, nếu Tòa án tuyên vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên giữa bà A với ông T, giữa ông T với ông Ư thì ông không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Nếu có tranh chấp thì ông sẽ khởi kiện trong một vụ án khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Ư trình bày: Ông thống nhất những lời trình bày của ông T. Ông không yêu cầu gì khác.

Văn phòng C2 trình bày tại công văn số 67/CV-VPCC ngày 10/11/2022: Ngày 03/3/2015, Văn phòng công chứng có công chứng hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ giữa bà Thi Thị A với ông Nguyễn Tấn T đối với thửa đất số 709, tờ bản đồ số 17, đất tại ấp D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. Đến ngày 10/12/2021, Văn phòng cũng công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên giữa ông Nguyễn Tấn T, bà Trương Thị N với ông Nguyễn Văn Ư. Việc công chứng trên là hợp pháp, đúng trình tự, thủ tục quy định. Văn phòng công chứng không có ý kiến gì.

Các đương sự thống nhất với Biên bản xem xét, thẩm định của Tòa án; Mảnh trích đo địa chính số 232-2023 của Công ty TNHH Đ duyệt ngày 22/11/2023, do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại huyện Đ duyệt ngày 23/11/2023 và Chứng thư thẩm định giá số 122/01/04/2023/TĐG LA – BĐS ngày 01/04/2024 của Công ty Cổ phần T2.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 195/2024/DS-ST ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Đức Hòa đã tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Thi Thị A do ông Phạm Quốc S là người đại diện theo ủy quyền về việc tranh chấp "Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất" đối với ông Nguyễn Tấn T:

2. Tuyên bố các văn bản công chứng sau đây vô hiệu:

- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Thi Thị A với ông Nguyễn Tấn T tại Văn phòng C1 ngày 03/3/2015.

- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Tấn T, bà Trương Thị N với ông Nguyễn Văn Ư tại Văn phòng C ngày 10/12/2021.

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký, kê khai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định pháp luật về đất đai đối với thửa đất số thửa đất số 709, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại xã Đ, huyện Đ, Long An. Văn phòng đăng ký đất đai, cơ quan Tài nguyên và Môi trường căn cứ vào bản án, quyết định của Tòa án để giải quyết điều chỉnh biến động hoặc cấp lại Giấy chứng nhận QSDĐ phù hợp với kết quả giải quyết vụ án.

Ông Ư có trách nhiệm giao bản chính Giấy chứng nhận QSDĐ đất số DE 086527, số vào sổ cấp GCN: CS 12698 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh L cấp ngày 25/4/2022 cho ông Nguyễn Văn Ư đối với thửa đất số 709, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An tọa lạc tại xã Đ, huyện Đ, Long An để thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng; án phí; quyền kháng cáo; quyền yêu cầu, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án.

Ngày 29/7/2024, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa nhận được đơn kháng cáo của ông Nguyễn Tấn T là bị đơn và ông Nguyễn Văn Ư là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự gồm bà Thi Thị A, ông Nguyễn Tấn T, ông Nguyễn Văn Ư thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án như sau:

Công nhận hiệu lực của Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Thi Thị A với ông Nguyễn Tấn T đối với thửa đất số 709, tờ bản đồ số 17, đất tại ấp D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An do Văn phòng C1, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/3/2015.

Công nhận hiệu lực của Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Tấn T, bà Trương Thị N với ông Nguyễn Văn Ư đối với thửa đất số 709, tờ bản đồ số 17, đất tại ấp D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An do Văn phòng C công chứng ngày 10/12/2021.

Bà Thi Thị A có nghĩa vụ giao trả cho ông Nguyễn Văn Ư thửa đất số thửa đất số 709, diện tích 612m^2, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Thửa đất số 709 thể hiện trên Mảnh trích đo địa chính số 232-2023 của Công ty TNHH Đ được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại huyện Đ duyệt ngày 23/11/2023.

Ông Nguyễn Văn Ư có nghĩa vụ thanh toán thêm cho bà Thi Thị A 300.000.000 đồng tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 168,6m^2,

thuộc một phần thửa đất số 709, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại xã Đ, huyện Đ, Long An.

Về chi phí tố tụng (xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản): Tổng cộng 23.500.000 đồng, bà Thi Thị A và ông Nguyễn Văn Ư mỗi người chịu 11.750.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà A chịu toàn bộ theo quy định của pháp luật (bà A có yêu cầu được miễn án phí dân sự sơ thẩm do là người cao tuổi).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tính hợp lệ của kháng cáo: Đơn kháng cáo nằm trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về chấp hành pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về giải quyết yêu cầu kháng cáo: Tại phiên toà phúc thẩm, các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, những người được Tòa án triệu tập có mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử theo trình tự phúc thẩm là phù hợp quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm xác định thẩm quyền Tòa án giải quyết, quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng và xét xử theo trình tự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 26, 35, 39, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, bản án sơ thẩm đảm bảo thủ tục tố tụng.

Về việc giải quyết yêu cầu kháng cáo:

[3] Tại phiên toà phúc thẩm, các đương sự gồm bà Thi Thị A, ông Nguyễn Tấn T, ông Nguyễn Văn Ư thoả thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể như sau:

- Công nhận hiệu lực của Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Thi Thị A với ông Nguyễn Tấn T đối với thửa đất số 709, tờ bản đồ số 17, đất tại ấp D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An do Văn phòng C1, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/3/2015.

- Công nhận hiệu lực của Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Tấn T, bà Trương Thị N với ông Nguyễn Văn Ư đối với thửa

đất số 709, tờ bản đồ số 17, đất tại ấp D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An do Văn phòng C công chứng ngày 10/12/2021.

- Bà Thi Thị A có nghĩa vụ giao trả cho ông Nguyễn Văn Ư thửa đất số thửa đất số 709, diện tích 612m^2, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Thửa đất số 709 thể hiện trên Mảnh trích đo địa chính số 232-2023 của Công ty TNHH Đ được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại huyện Đ duyệt ngày 23/11/2023.

- Ông Nguyễn Văn Ư có nghĩa vụ thanh toán thêm cho bà Thi Thị A 300.000.000 đồng tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 168,6m^2, thuộc một phần thửa đất số 709, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại xã Đ, huyện Đ, Long An.

- Về chi phí tố tụng (xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản): Tổng cộng 23.500.000 đồng, bà Thi Thị A và ông Nguyễn Văn Ư mỗi người chịu 11.750.000 đồng. Do bà A đã nộp tạm ứng trước nên ông Ư có nghĩa vụ trả lại cho bà A số tiền 11.750.000 đồng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Thi Thị A chịu toàn bộ theo quy định của pháp luật (bà A có yêu cầu được miễn án phí dân sự sơ thẩm do là người cao tuổi).

[4] Đối với bà Thi Thị A có yêu cầu được miễn án phí dân sự sơ thẩm do là người cao tuổi nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 12, 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà A.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy, sự thoả thuận trên của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên căn cứ Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thoả thuận của các đương sự như ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Tấn T và ông Nguyễn Văn Ư mỗi người phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sửa Bản án sơ thẩm số: 195/2024/DS-ST ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Đức Hòa.

Căn cứ vào các Điều 5, 26, 34, 35, 39, 147, 148, 157, 165, 300 và 483 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 117, 500, 501, 502 Bộ luật Dân sự 2015; các Điều 99, 167, 188 Luật Đất đai 2013; các Điều 12, 26, 27, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự gồm bà Thi Thị A, ông Nguyễn Tấn T, ông Nguyễn Văn Ư, cụ thể như sau:

- Công nhận hiệu lực của Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Thi Thị A với ông Nguyễn Tấn T đối với thửa đất số 709, tờ bản đồ số 17, đất tại Ấp D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An do Văn phòng C1, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/3/2015.

- Công nhận hiệu lực của Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Tấn T, bà Trương Thị N với ông Nguyễn Văn Ư đối với thửa đất số 709, tờ bản đồ số 17, đất tại ấp D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An do Văn phòng C công chứng ngày 10/12/2021.

- Bà Thi Thị A có nghĩa vụ giao trả cho ông Nguyễn Văn Ư thửa đất số thửa đất số 709, diện tích 612m^2, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Thửa đất số 709 thể hiện trên Mảnh trích đo địa chính số 232-2023 của Công ty TNHH Đ được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại huyện Đ duyệt ngày 23/11/2023.

- Ông Nguyễn Văn Ư có nghĩa vụ thanh toán thêm cho bà Thi Thị A 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 168,6m^2, thuộc một phần thửa đất số 709, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

- Về chi phí tố tụng (xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản): Tổng cộng 23.500.000 đồng, bà Thi Thị A và ông Nguyễn Văn Ư mỗi người chịu 11.750.000 đồng. Do bà Thi Thị A đã nộp tạm ứng nên buộc ông Nguyễn Văn Ư có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Thi Thị A 11.750.000 đồng (mười một triệu bảy trăm năm chục ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về án phí sơ thẩm: Bà Thi Thị A chịu toàn bộ án phí nhưng được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

2. Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Tấn T và ông Nguyễn Văn Ư mỗi người phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mỗi người đã nộp 300.000đ theo

các biên lai thu số 0005274 và 005273 cùng ngày 29/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa; ông T, ông Ư đã nộp xong.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Tấn Quốc